












# BẢNG GIÁ DỤNG CỤ CẦM TAY IRWIN

(ÁP DỤNG CHO ĐẠI LÝ - NĂM 2021)











STT	Brand	SKU	Hộp	Thùng	Hình ảnh	Thông số	Đơn giá	COO
102	IRWIN	2078300	5			8"/200mm	521,000	TW
103	IRWIN	10505875	5			6" (150mm)	220,000	TW
104	IRWIN	10505877	5			7" (175mm)	250,000	
105	IRWIN	10505876	5			8" (200mm)	254,000	TW
106	IRWIN	2078209	5			9.5" (240mm)	362,000	
107	IRWIN	10505493	5			6" (150mm)	169,000	TW
108	IRWIN	10505494	5			7" (175mm)	290,000	TW
109	IRWIN	10505495	5			8" (200mm)	244,000	
110	IRWIN	10505518	5			8"/200mm	364,000	
111	IRWIN	10505503	5			6" (150mm)	169,000	TW
112	IRWIN	10505504	5			8" (200mm)	209,000	TW
113	IRWIN	10505505	5			6" (150mm)	201,000	TW
114	IRWIN	10505506	5			8" (200mm)	239,000	
115	IRWIN	2078955	5			5-1/2"/140mm	139,000	CN
116	IRWIN	T9098123	6			6.5"/165mm	165,000	CN
117	IRWIN	10505517	5			8"/200mm	297,000	
118	IRWIN	2078406	5			6"/150 mm	123,000	

# BẢNG GIÁ DỤNG CỤ CẦM TAY IRWIN

(ÁP DỤNG CHO ĐẠI LÝ - NĂM 2021)



STT	Brand	SKU	Hộp	Thùng	Hình ảnh	Thông số	Đơn giá	COO
119	IRWIN	<a href="#">2078510</a>	5			10" (dài 250mm)	<b>220,000</b>	CN
120	IRWIN	<a href="#">2078512</a>	5			12" (dài 300mm)	<b>260,000</b>	CN
121	IRWIN	<a href="#">10505872</a>	5			6" (150mm)	<b>431,000</b>	TW
122	IRWIN	<a href="#">10505873</a>	5			7" (175mm)	<b>471,000</b>	TW
123	IRWIN	<a href="#">10505874</a>	5			8" (200mm)	<b>550,000</b>	TW
124	IRWIN	<a href="#">10505868</a>	5			6" (150mm)	<b>391,000</b>	TW
125	IRWIN	<a href="#">10505869</a>	5			8" (200mm)	<b>455,000</b>	TW
126	IRWIN	<a href="#">10505870</a>	5			8"/200mm	<b>471,000</b>	TW
127	IRWIN	<a href="#">10505865</a>	5			6" (150mm)	<b>352,000</b>	TW
128	IRWIN	<a href="#">10505866</a>	5			7" (175mm)	<b>455,000</b>	TW
129	IRWIN	<a href="#">10505867</a>	5			8" (200mm)	<b>477,000</b>	TW
130	IRWIN	<a href="#">10505871</a>	5			6"/150mm	<b>471,000</b>	TW
131	IRWIN	<a href="#">1902411</a>	5			6" (150mm)	<b>1,373,000</b>	
132	IRWIN	<a href="#">1902412</a>	5			7" (175mm)	<b>1,492,000</b>	
133	IRWIN	<a href="#">1902413</a>	5			8" (200mm)	<b>1,349,000</b>	
134	IRWIN	<a href="#">1902419</a>	5			8"/200mm	<b>1,966,000</b>	

# BẢNG GIÁ DỤNG CỤ CẦM TAY IRWIN

(ÁP DỤNG CHO ĐẠI LÝ - NĂM 2021)








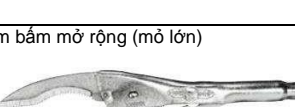





STT	Brand	SKU	Hộp	Thùng	Hình ảnh	Thông số	Đơn giá	COO
135	IRWIN	10505486	5			6"/150mm	233,000	TW
136	IRWIN	10505488	5			8" (200mm)	272,000	TW
137	IRWIN	10505490	5			10" (250mm)	328,000	TW
138	IRWIN	10505492	5			12" (300mm)	411,000	TW
139	IRWIN	T9098092	6	60		8" (200mm)	167,000	
140	IRWIN	T9098093	6	36		10" (250mm)	197,000	
141	IRWIN	T9098094	3	24		12" (300mm)	262,000	CN
142	IRWIN	T9098095	1	8		15" (380mm)	486,000	CN
143	IRWIN	T9098096	1	6		18" (450mm)	760,000	CN
144	IRWIN	T9098097	1	4	24" (600mm)	1,161,000	CN	
145	IRWIN	T3508	4			8" (200mm)	170,000	CN
146	IRWIN	T35010	4			10" (250mm)	227,000	CN
147	IRWIN	T35012	4			12" (300mm)	323,000	CN
148	IRWIN	T35014	4			14" (350mm)	417,000	
149	IRWIN	T35018	4			18" (450mm)	576,000	
150	IRWIN	T35024	2			24" (600mm)	1,029,000	
151	IRWIN	T35036	1			36" (900mm)	1,962,000	
152	IRWIN	T35048	1			48" (1220mm)	3,410,000	CN

# BẢNG GIÁ DỤNG CỤ CẦM TAY IRWIN

(ÁP DỤNG CHO ĐẠI LÝ - NĂM 2021)



STT	Brand	SKU	Hộp	Thùng	Hình ảnh	Thông số	Đơn giá	COO
153	IRWIN	T0902EL4	5			5" (125mm)	252,000	
154	IRWIN	T0702EL4	5			7" (175mm)	259,000	
155	IRWIN	T0502EL4	5			10" (250mm)	263,000	CN
156	IRWIN	T05T	5			10" (250mm)	306,000	CN
157	IRWIN	10508017	5			10" (250mm)	284,000	CN
158	IRWIN	T0102EL4	5	-981		10" (250mm)	284,000	CN
159	IRWIN	T1502EL4	5			9" (225mm)	351,000	CN
160	IRWIN	T23EL4	1			200mm	491,000	TW
161	IRWIN	T25EL4	1			225mm	601,000	TW
162	IRWIN	T12EL4	5			300mm	-	
163	IRWIN	T18R	5			18" (455mm)	661,000	CN
164	IRWIN	T20EL4	5			11" (225mm)	509,000	CN
165	IRWIN	T18SP	5			18" (155mm)	745,000	CN
166	IRWIN	T27EL4	5			9" (225mm)	583,000	

# BẢNG GIÁ DỤNG CỤ CẦM TAY IRWIN

(ÁP DỤNG CHO ĐẠI LÝ - NĂM 2021)



STT	Brand	SKU	Hộp	Thùng	Hình ảnh	Thông số	Đơn giá	COO
167	IRWIN	T23112	1			350mm	3,001,000	ES
168	IRWIN	T23212	1			690mm	5,484,000	ES
169	IRWIN	T233C	1			950mm	6,042,000	ES
170	IRWIN	T234C	1			1280mm	15,565,000	ES
171	IRWIN	T235C	1			1620mm	28,004,000	ES
172	IRWIN	1886980	5		Kèm rút rive 4 lỗ - R100 	330mm Rivet Sizes: 2.4mm(3/32"), 3.2mm(1/8"), 4.0mm(5/32"), 4.8mm(3/16")	150,000	CN
173	IRWIN	1887141	5		Kèm rút rive 4 lỗ - R250 	375mm Rivet Sizes: 2.4mm(3/32"), 3.2mm(1/8"), 4.0mm(5/32"), 4.8mm(3/16")	283,000	CN
174	IRWIN	1887142	5		Kèm rút rive 4 lỗ (đầu xoay 360) - R360 	375mm Rivet Sizes: 2.4mm(3/32"), 3.2mm(1/8"), 4.0mm(5/32"), 4.8mm(3/16")	326,000	CN
175	IRWIN	1887144	5		Kèm rút rive trợ lực 5 đầu - R500 	Rivet Sizes: 2.4mm(3/32"), 3.2mm(1/8"), 4.0mm(5/32"), 4.8mm(3/16"), 6.4mm(1/4")	559,000	CN
176	IRWIN	10504309N	5		Kéo cắt tole 	250mm	300,000	
177	IRWIN	10504310N	5		Kéo cắt tole 	250mm	300,000	TW
178	IRWIN	10504311N	5		Kéo cắt tole 	250mm	285,000	TW